

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình Trị

2. Ông Nguyễn Công Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978.*

- Bị đơn: *Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1976.*

Cùng trú tại: Tổ 14, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn chị H có mặt; bị đơn anh T đã được tổng đạt hợp lệ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng. Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống thì vợ chồng không hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân chính là do anh T thường xuyên cờ bạc, nợ nần. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Chị H khai trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Hữu Q, sinh ngày: 27/01/2008

2. Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày: 30/4/2011.

Nguyên vọng của chị H nếu vợ chồng ly hôn chị xin nhận nuôi hai con chung là cháu Q và L. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho cả hai cháu.

Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng chị có một căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất của cha mẹ chồng chị. Nguyên vọng của chị H mong muốn để lại căn nhà cho các con và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị H khai vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ.

* Bị đơn anh Nguyễn Hữu T không đến Tòa, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị H giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyên vọng của cháu Q, giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp tình hình thực tế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Hữu T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt cho người nhà bị đơn, niêm yết tại nhà của bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 96 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2006 là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn chăm lo cho gia đình mà chỉ biết cờ bạc dẫn đến nợ nần về nhà gây gổ vợ con. Chị H khai vì các con nên đã khuyên răn

và cố gắng chịu đựng một thời gian dài nhưng anh T vẫn không thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng anh T không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

[3] Về con chung: Theo chị H khai trong thời kỳ hôn nhân và quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Hữu Q, sinh ngày: 27/01/2008
2. Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày: 30/4/2011.

Nguyên vọng của chị H nếu vợ chồng ly hôn chị xin nhận nuôi hai con chung là cháu Q và L. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho cả hai cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy anh T không đến tòa án để làm việc nên không biết anh T có mong muốn được nuôi con hay không.

Tại các biên bản lấy lời khai của các cháu Q và L thì thấy cháu Q mong muốn được sống với anh T. Cháu L mong muốn được sống với ba mẹ.

Sau khi tiến hành lấy lời khai của cháu Q: Hiện nay cháu đang sống tại nhà của cha mẹ mình. Ba cháu là anh T thường xuyên đi làm và sáng đi làm tối về nhà. Mẹ cháu là chị H đi làm công nhân may cũng sáng đi tối về và thường hay tăng ca nên có hôm về muộn. Cháu đi học lớp 6 buổi sáng và trưa có ông bà nội lo cơm, nước. Tối về thì có bữa mẹ mua thức ăn về cháu Q ở nhà nấu cơm. Cháu Q sinh sống ở nhà đã quen và hơn nữa gần trường tiện việc đi học lại có ông bà nội giặt áo quần nữa. Nếu về sống với mẹ thì phải sống bên nhà ngoại, xa trường học mà nhà ngoại thì ông bà ngoại đã chết, các cậu đã có gia đình riêng nên không có ai để nhờ vả lo cơm trưa cho cháu.

Theo lời khai của bà L mẹ anh T thì vợ chồng anh T chị H đi làm sáng đi tối về. Cháu Q sống với ông bà và ông bà nội lo cho cháu. Mẹ cháu là chị H hay đi làm về muộn, cháu L học bán trú bà cũng thường xuyên đón cháu L về. Cơm trưa, áo quần của các cháu Q, L cũng một phần do bà lo nấu và giặt. Nhà bên ngoại không còn ai nên không thể để cháu sống một mình bên ngoại được.

Hội đồng xét xử xét thấy quyền nuôi con của người mẹ cần phải được quan tâm và ưu tiên. Nhưng do hoàn cảnh chị H đi làm công nhân may và thường phải tăng ca. Ngoài ra, nếu ly hôn chị H có thể về sinh sống nương nhờ tại nhà của cha mẹ ruột mình. Hiện nay cháu Q đang học lớp 6 và cháu L đang học lớp 3 bán trú. Để thỏa theo nguyện vọng của chị H thì sẽ thay đổi môi trường và hoàn cảnh sống của cháu Q, sẽ rất khó có thể đảm bảo cho việc ăn uống học tập của cháu Q. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của cháu Q, giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng cháu L hiện đang học lớp 3 và học bán trú nên chị H có thể chăm sóc cháu được. Sáng chị H đi làm đưa cháu đi học, chiều đón cháu về lo cơm nước đảm bảo đời sống cho cháu. Ngoài ra, cháu L là con gái nên cũng cần có sự quan tâm, chăm sóc dạy bảo của người mẹ tốt hơn cha. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nguyện vọng của chị H giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Vì vợ chồng chị H anh T được giao mỗi người trực tiếp nuôi một con nên các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng chị có một căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất của cha mẹ chồng chị. Nguyên vọng của chị H mong muốn để lại căn nhà cho các con và không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị H khai vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được tính trừ vào tổng số tiền: 4.050.000^d (Bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp. Hoàn lại cho chị H số tiền: 3.750.000^d (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí DSST mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0021096 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

Xác định trong thời kỳ hôn nhân và quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung tên là: Nguyễn Hữu Q, sinh ngày: 27/01/2008 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày: 30/4/2011.

Tuyên giao cháu Nguyễn Hữu Q, sinh ngày: 27/01/2008 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày: 30/4/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị H khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được tính trừ vào tổng số tiền: 4.050.000^d (Bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp. Hoàn lại cho chị H số tiền: 3.750.000^d (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí DSST mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0021096 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành